TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 26-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nguyên;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành;

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- *Thư ký phiên tòa*: Phan Thị Thy Thy - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2023/QĐXXST-DS ngày 15/12/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Đào Thị M, sinh năm 1971. Địa chỉ: I P, Tổ G, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2023). Có mặt.

- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị Hồng K. Địa chỉ: 0 L, Tổ D phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đào Thị M *do người đại diện theo ủy quyền là bà* Nguyễn Thị D *trình bày:*

Bà Đào Thị M có quen biết với bà Nguyễn Thị H và đã cho bà K vay tiền nhiều lần để làm ăn.

Ngày 15/01/2019, bà Nguyễn Thị Hồng K mượn bà M số tiền 38.000.000 đồng, hẹn 30 ngày trả nợ. Lãi suất hai bên thống nhất mức lãi 3,5%/tháng. Bà K viết giấy mượn tiền đề ngày 15/01/2019, nhận tiền và ký giấy mượn tiền này.

Đến thời hạn trả nợ nhưng bà K không thực hiện. Bà M đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà K không thực hiện và đã chuyển nhà đi nơi khác sinh sống.

Về tiền lãi, bà M tạm tính theo lãi quy định thỏa thuận 3,5%/tháng. Thời gian tạm tính từ ngày vay 15/01/2019 đến nay 15/10/2023 là 4 năm 10 tháng (quy ra 58 tháng): 38.000.000 đồng x 3,5%/tháng x 58 tháng = 77.140.000 đồng.

Vì vậy, M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K trả số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K trả số tiền nợ lãi phát sinh là 77.140.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong Giấy mượn tiền ngày 15/01/2019, chữ viết là của bà K viết xác nhận số tiền mượn, riêng các nội dung về: "Địa chỉ: I P, Tổ G, phường Y; Thời hạn vay tiền: 30 ngày và lãi suất: M - 3,5%/tháng" là chữ Viết của bà M. Từ khi vay tiền, bà K không trả tiền lãi cho bà M.

Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, buộc bà Nguyễn Thị Hồng K trả số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng. Về tiền lãi, nhận thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận là vượt mức 20%/năm nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà K phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi suất là từ ngày vay đến ngày giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Hồng K *các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bà* K *vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị H Khi không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập; không nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đào Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả lại tiền vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng K đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà K phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật. Việc rút một phần và thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi này là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 15/01/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Hồng K, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà K vay của bà M số tiền là 38.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng K vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của của bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà K còn nợ bà M số tiền 38.000.000 đồng và chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi của khoản vay này cho bà M. Vì vậy, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận của các bên.

[2.2] Về lãi suất:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà K phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi suất là từ ngày vay đến ngày giải quyết vụ án.

Theo quy định về lãi suất tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Xét thấy, trong Giấy mượn tiền ngày 15/01/2019, các nội dung về: "Thời hạn vay tiền: 30 ngày và lãi suất: M - 3,5%/tháng" là chữ Viết của bà M. Quá trình giải quyết vụ án, bà K vắng mặt và không có ý kiến về việc đồng ý với nội dung này. Vì vậy, các nội dung bà M tự ghi vào giấy mượn tiền này không phải là sự thỏa thuận của các bên tại thời điểm vay tiền nên không có giá trị pháp lý buộc bà K phải thực hiện. Do đó, có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên bà K phải trả tiền

lãi cho bà M theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

Tiền lãi bà K phải trả = 38.000.000 đồng x 10%/năm x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc từ ngày 15/01/2019 đến ngày 26/01/2019 tương ứng 05 năm 11 ngày), tiền lãi phải trả là 19.114.521 đồng.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Khi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà M được Tòa án chấp nhận.

Đối với lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng không phải là chi phí tố tụng nên bà M phải tự chịu lệ phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, 2 và 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả cho bà Đào Thị M số tiền 57.114.521 đồng (Nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi là 19.114.521 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu 2.855.726 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đào Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.878.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0001510 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên